

## BÁO CÁO

Tình hình sử dụng lao động năm 2022 và kế hoạch sử dụng lao động năm 2023  
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi

Kính gửi:

UBND Tỉnh Kon Tum  
Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Kon Tum

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính Phủ quy định quản lý lao động tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi.

Công ty TNHH Một TV Lâm nghiệp Ngọc Hồi xây dựng Kế hoạch lao động năm 2023 với những nội dung sau:

### 1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

- Quản lý bảo vệ rừng: 22.064,66 ha. Trong đó:
  - + Rừng cung ứng DVMR rừng: 7.941,14 ha.
  - + Rừng tự nhiên dùng khai thác: 14.123,52 ha.
- Tổng sản phẩm quy đổi: 9.795,85 triệu đồng.
- Lợi nhuận: 202,47 triệu đồng.
- Nộp ngân sách nhà nước: 179,95 triệu đồng.

### 2. Kế hoạch lao động năm 2023:

- Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2022 : 41 lao động.

- Số lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2022: 40,08 Lao động.

- Lao động bình quân năm KH 2023 : 41,0 LĐ.

( Có bảng báo cáo tình hình sử dụng lao động năm 2022 và kế hoạch sử dụng lao động năm 2023 kèm theo )

Công ty TNHH Một TV Lâm nghiệp Ngọc Hồi kính trình quý cấp xem xét./.

**Nơi nhận:**

-Như trên;

-Lưu: VT.



*Trần Ngọc Thanh Vũ*



UBND TỈNH KON TUM  
**CÔNG TY TNHH MỘT TV  
 LÀM NGHIỆP NGỌC HỒI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biểu mẫu số 1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: Người

TT	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm trước ( 2022 )						Kế hoạch sử dụng lao động năm 2023				
		Tổng số lao động kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng bình quân	Số lao động thời việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động kế hoạch	Trong đó		Số lao động thời việc, mất việc, nghỉ hưu
				Số từ năm trước chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số lao động trước chuyển sang	Số lao động tuyển dụng mới	
1	Người quản lý	4	4	4	0	0	4	0	4	4	0	0
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	8	8	8	0	0	7,75	0	8	8	1	1
3	Lao động trực tiếp SXKD	32	33	32	0	1	32,33	0	33	33	0	0
4	Lao động thừa hành, phục vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>44</b>	<b>45</b>	<b>44</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>44,08</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>1</b>	<b>1</b>

Người lập biểu



Lê Văn Khương



Ngọc Hồi, ngày 30 tháng 02 năm 2022  
 Chủ tịch đơn vị

Trần Ngọc Thanh Vũ

UBND TỈNH KON TUM  
CÔNG TY TNHH MỘT TV  
LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023  
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2022		Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH</b>					
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	Tr.đồng	9.382,51	9.795,85	9.795,85	
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	9.455,00	11.699,59	9.891,97	
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	4.863,24	6.106,91	4.884,87	
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	26,60	622,723	202,47	
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	102,86	247,54	179,95	
<b>II</b>	<b>TIỀN LƯƠNG</b>					
1	Lao động kế hoạch	Người	40,00		41,00	
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người	40,00	40,08	41,00	
3	Mức tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng	290.617	321.446	315.675	
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	290.617		315.675	
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		321.446		
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	234,56		238,923	
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm		244,41		
8	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng	0,00	0,00	0,00	
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	3.487,40		3.788,11	
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		3.857,35		
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	0,00	0,00	0,00	
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng	7.265,42	8.020,11	7.699,40	

Ghi chú: (1) Năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng sản phẩm

\* Năng suất lao động bình quân năm KH giảm so với thực hiện năm 2022 là 2,2%. Tiền lương giảm theo NSLĐ bình quân =  $TL_{bqnt} \times (1 - W_{kh}/W_{nl}) \times 0,8 = 69,24$  tr đồng

Ngọc Hồi, ngày tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Lê Văn Khương

Thủ trưởng đơn vị



Trần Ngọc Thanh Vũ